

# 1130 Series — SERIES 30 LOẠI CÀNG THÔNG DỤNG (Kiểu Mỹ)

Bánh xe PP đường kính bánh xe × chiều rộng bánh xe 75 x 32mm

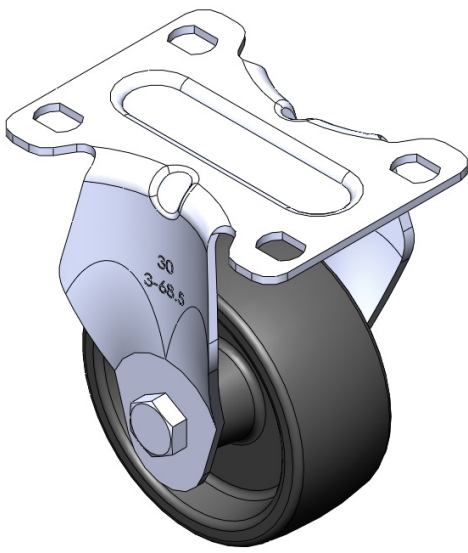
EAN

TW-4113003001013

Bánh xe cố định với đế dập liền khối và lỗ cao cấp. Hoàn thiện mạ kẽm, lắp đế. Lõi và mặt bánh xe bằng polypropylen. Bánh xe ống giữa màu đen.

Mặt bánh xe: PP polypropylene  
Lõi bánh xe: PP polypropylene

Mô tả sản phẩm chỉ mang tính chất tham khảo. Sản phẩm thực tế sẽ được ưu tiên.



Hình ảnh có thể khác với sản phẩm gốc

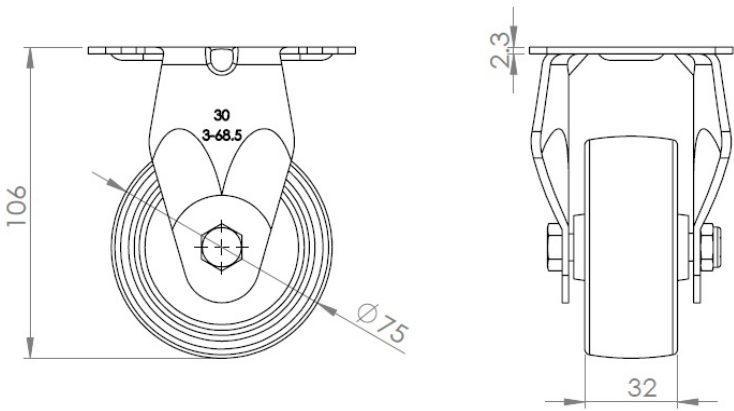
## Quy cách chi tiết sản phẩm

|                                                                           |                             |
|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| <input checked="" type="radio"/> đơn vị mét <input type="radio"/> đế quốc |                             |
| Đường kính bánh xe                                                        | 75mm                        |
| Chiều rộng bánh xe                                                        | 32mm                        |
| vòng bi bánh xe                                                           | Bánh xe đi kèm với ống giữa |
| Quy cách tấm lắp                                                          | 92 x 70mm                   |
| khoảng cách các lỗ trên tấm nền                                           | 75X45mm                     |
| Khoảng cách các lỗ lắp                                                    | 12 x 9mm                    |
| Độ lệch tâm                                                               | 54mm                        |
| Sự can thiệp quay                                                         | 260mm                       |
| Tổng chiều cao                                                            | 106mm                       |
| Bán kính xoay                                                             | 60mm                        |
| Độ cứng                                                                   | 65±5° Shore D               |
| Tải trọng (động)                                                          | 90kgs                       |
| Tải trọng (tĩnh)                                                          | 135kgs                      |
| Nhiệt độ                                                                  | -10°C to +60°C              |
| Càng bánh xe                                                              | Cố định                     |
| Thép không gỉ                                                             | N/A                         |
| Dẫn điện                                                                  | N/A                         |
| Chống tĩnh điện                                                           | N/A                         |
| Trọng lượng bánh xe đẩy                                                   | 0.40kgs                     |
| Tiêu chuẩn kiểm nghiệm                                                    | ISO22883                    |

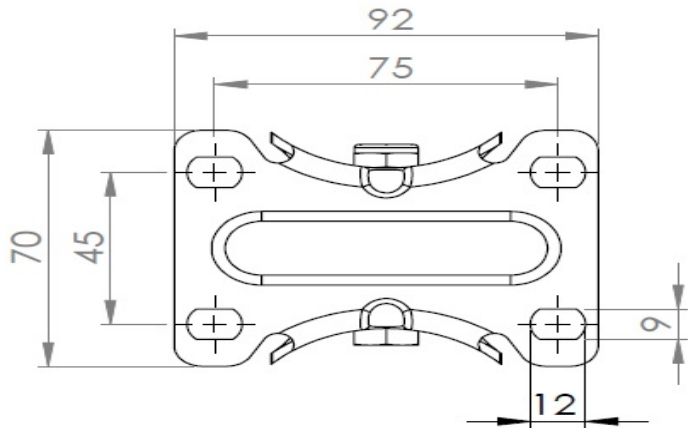
## Tổng quan ưu điểm

|                      |           |
|----------------------|-----------|
| Độ di chuyển mượt mà | ● ● ● ● ● |
| Chế độ im lặng       | ● ● ● ○ ○ |
| Bảo vệ mặt sàn       | ● ● ● ○ ○ |

## Bản vẽ 2D kích thước bánh xe đẩy



## Bản vẽ 2D kích thước tấm lắp



\* Nếu có bất kỳ sai lệch nào giữa thông số hệ mét và thông số hệ inch, vui lòng tham khảo thông số hệ mét